

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH AN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/DS-ST
Ngày: 28-8-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Hoài

2. Ông Quách Minh Tấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7
- An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên toà: Ông Hồ Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-DS ngày 17/7/2025 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-DS ngày 11/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Thị H**, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà **Trần Kim A**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ G, ấp X, xã A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/10/2021 bà có cho bà Trần Kim A vay số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 50.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, lãi trả hàng tháng. Việc vay tiền bà Kim A có ký biên nhận cho bà,

nhưng nội dung biên nhận là mượn tiền. Sau khi vay bà Kim A có trả lãi cho bà được một ít tiền lãi nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu. Từ ngày 07/10/2022 đến nay bà Kim A không trả cho bà được đồng nào mặc dù bà có đòi nhiều lần. Bà Kim A có chồng tên Ngô Tấn S, ở ấp X, xã A, tỉnh An Giang, nhưng việc vay tiền này không liên quan đến ông S.

Nay bà chỉ yêu cầu bà Trần Kim A phải trả cho bà số tiền vay tổng cộng là 76.932.000 đồng, trong đó: gốc 60.000.000 đồng, lãi theo mức 10%/năm tính từ ngày 07/10/2022 đến nay là 16.932.000 đồng và tiền lãi theo mức 10%/năm từ ngày 12/8/2025 đến khi Toà án giải quyết xong vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Kim A trình bày:* Ngày 05/10/2021 bà có vay của bà Thị H số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 50.000 đồng/1.000.000 đồng tiền gốc/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, lãi trả hàng tháng. Bà thừa nhận có ký biên nhận nhận nợ giao cho bà H giữ. Sau khi vay bà có trả lãi nhiều lần cho bà H, nhưng không nhớ bao nhiêu. Bà thừa nhận từ ngày 07/10/2022 đến nay không có trả gốc, lãi cho bà H đồng nào.

Nay thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn bà H số tiền vay tổng cộng là 76.932.000 đồng, trong đó: gốc 60.000.000 đồng, lãi theo mức 10%/năm tính từ ngày 07/10/2022 đến nay là 16.932.000 đồng, nhưng hẹn mỗi tháng trả 2.000.000 đồng đến khi nào trả đủ số tiền còn nợ.

**** Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn bà Thị H yêu cầu bị đơn bà Trần Kim A phải trả cho bà số tiền vay tổng cộng là 76.932.000 đồng, trong đó: gốc 60.000.000 đồng, lãi theo mức 10%/năm tính từ ngày 07/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/8/2025 là 16.932.000 đồng

- Bị đơn Trần Kim A đồng ý trả cho nguyên đơn bà H số tiền vay tổng cộng là 76.932.000 đồng, trong đó: gốc 60.000.000 đồng, lãi theo mức 10%/năm tính từ ngày 07/10/2022 đến nay là 16.932.000 đồng, nhưng hẹn mỗi tháng trả 2.000.000 đồng đến khi nào trả đủ số tiền còn nợ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Trần Kim A phải trả cho nguyên đơn bà Thị H số tiền vay tổng cộng là 76.932.000 đồng, trong đó: gốc 60.000.000 đồng, lãi theo mức 10%/năm tính từ ngày 07/10/2022 đến nay là 16.932.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền vay còn thiếu và bị đơn cũng đồng ý. Do đó, quan hệ pháp luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản* và bị đơn có nơi cư trú tại tổ G, ấp X, xã A, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được cùng lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời thừa nhận của bị đơn tại phiên tòa hôm nay, có cơ sở để xác định: Giữa nguyên đơn bà Thị H với bị đơn bà Trần Kim A có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau và hiện bị đơn bà Trần Kim A còn nợ nguyên đơn bà Thị H số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 76.932.000 đồng, trong đó: gốc 60.000.000 đồng, lãi theo mức 10%/năm tính từ ngày 07/10/2022 đến nay là 16.932.000 đồng.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Theo nguyên đơn bà Thị H cũng như bị đơn bà Trần Kim A xác định, việc thực hiện giao dịch chỉ có bà H với bà Kim A, không liên quan gì ông Ngô Tấn S (chồng bà Trần Kim A). Do đó, bà H xác định chỉ khởi kiện bà Kim A phải trả nợ cho bà và bà Kim A cũng thống nhất. Vì vậy, trong vụ việc này chỉ bà Kim A là người chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H.

[4] Do hai bên không thỏa thuận được thời gian và phương thức hẹn trả nên HĐXX không thể ghi nhận. Vì vậy, cần buộc bị đơn Trần Kim A phải trả cho nguyên đơn bà Thị H số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 76.932.000 đồng, trong đó: gốc 60.000.000 đồng, lãi theo mức 10%/năm tính từ ngày 07/10/2022 đến nay là 16.932.000 đồng, vì đây là nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Bị đơn bà Trần Kim A phải chịu án phí có giá ngạch là 3.846.600 đồng (76.932.000đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Kim A phải trả cho bà Thị H số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 76.932.000 đồng, trong đó: gốc 60.000.000 đồng, lãi theo mức 10%/năm tính từ ngày 07/10/2022 đến nay là 16.932.000 đồng.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Bị đơn bà Trần Kim A phải chịu 3.846.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Thị H 2.137.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0016483 ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - An Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh AG;
- VKS khu vực 7;
- Các Đ/s;
- Phòng THADS kv7;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh